

| STT | LOẠI ĐẤT                         | KÝ HIỆU | SỐ L | QUY MÔ (M <sup>2</sup> ) | TỶ LỆ (%) | MBXD (%)  | TẦNG CAO | HSDĐ TỐI Đ | DÂN SỐ | CHI TIÊU (M <sup>2</sup> /NGƯỜI) |     |       |
|-----|----------------------------------|---------|------|--------------------------|-----------|-----------|----------|------------|--------|----------------------------------|-----|-------|
|     |                                  |         |      |                          |           | TỐI THIỂU | TỐI ĐA   |            |        |                                  |     |       |
| 1   | ĐẤT Ồ LIỀN KẾ                    | A       | 8    | 39.669                   | 50.83     | 50.00     | 69.06    | 1          | 3      | 2.07                             | 667 | 60.68 |
| 2   | ĐẤT Ồ BIẾT THƯ                   | B       | 4    | 11.826                   | 10.08     | 50.00     | 62.96    | 1          | 3      | 1.89                             | 156 | 75.81 |
| 3   | ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CÔNG CỘNG | C       | 1    | 1.624                    | 2.07      | 30.00     | 35.00    | 1          | 3      | 1.05                             |     | 2.00  |
| 4   | ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH           | D       | 1    | 2.014                    | 2.97      | -         | 5.00     | -          | 1      | 0.05                             |     | 2.48  |
| 5   | ĐẤT GIAO THÔNG                   |         |      | 23.109                   | 29.46     | -         | -        | -          | -      | -                                |     | 28.42 |
|     | TỔNG CỘNG                        |         | 14   | 78.442                   | 100.00    |           |          |            |        |                                  | 813 | 96.48 |

|                                                                                     |                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|  | <b>ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ</b>           |
|  | <b>ĐẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ</b>          |
|  | <b>ĐẤT CÔNG TRÌNH DV CÔNG CỘNG</b> |
|  | <b>ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH</b>      |
|  | <b>ĐƯỜNG GIAO THÔNG</b>            |
|  | <b>RANH QUY HOẠCH</b>              |

| STT       | LOẠI ĐẤT                         | QUY MÔ (M2) | TỶ LỆ (%) |
|-----------|----------------------------------|-------------|-----------|
| 1         | ĐẤT ĐỎ                           | 51.495      | 65,91     |
| 2         | ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CÔNG CỘNG | 1.424       | 2,07      |
| 3         | ĐẤT CÂY XANH                     | 2.014       | 2,57      |
| 4         | ĐẤT GIAO THÔNG, SÂN BÃI          | 23.109      | 29,46     |
| TỔNG CỘNG |                                  | 78.442      | 100,00    |

**LIEN KE**  
6.475 3  
50 69.84  
A1